CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Ngày 31/03/2024	15,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.8%	**8.5%**	**30.5%**

DT thuần
Q1/24
0.97
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.5| -93.3%
YoY: ▼14.6| -93.8%

LN thuần
Q1/24
0.57
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.04| 123%
YoY: ▲ 2.47| 130%

LN sau thuế
Q1/24
0.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼43.1| -99.5%
YoY: ▲ 1.96| 112%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
27.0%
YoY: +/-▼ 341%

ROE (TTM)
Q1/24
25.3%
YoY: +/-▲ 1.3%

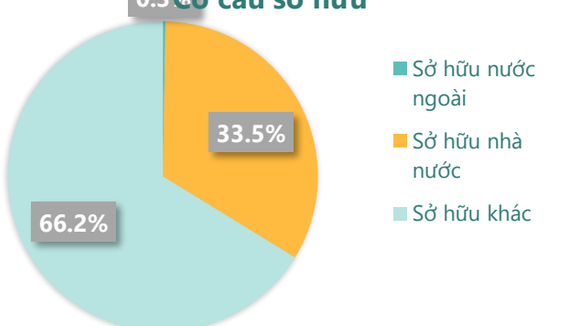
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 19,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
Số lượng CPLH (CP)	8,600,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,530
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.19)
EPS	4,882
P/E	3.2

DT thuần
2023
65.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼102| -60.9%

LN thuần
2023
-5.58
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.5| -137%

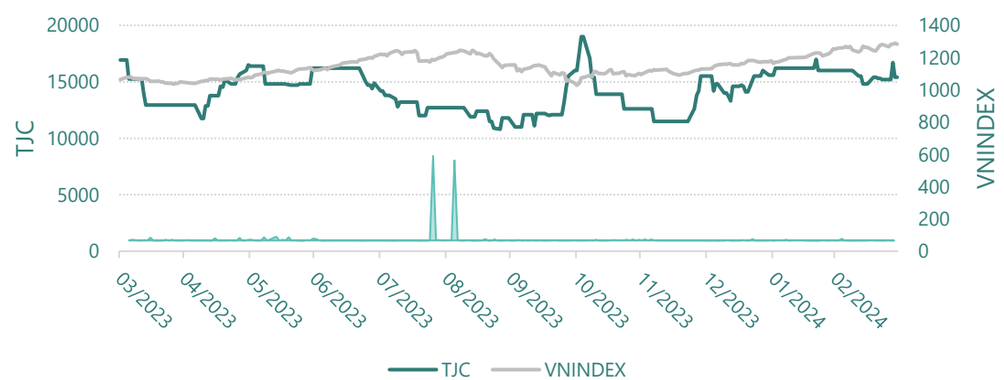
LN sau thuế
2023
40.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.40| -18.9%

Cơ cấu sở hữu

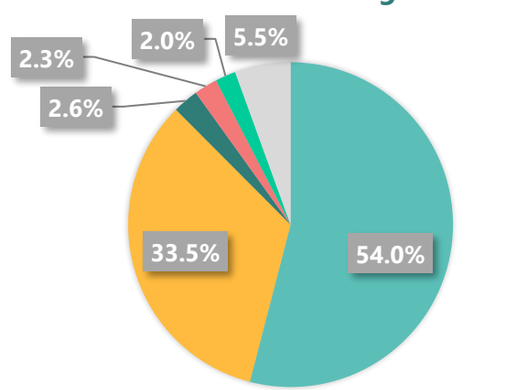


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

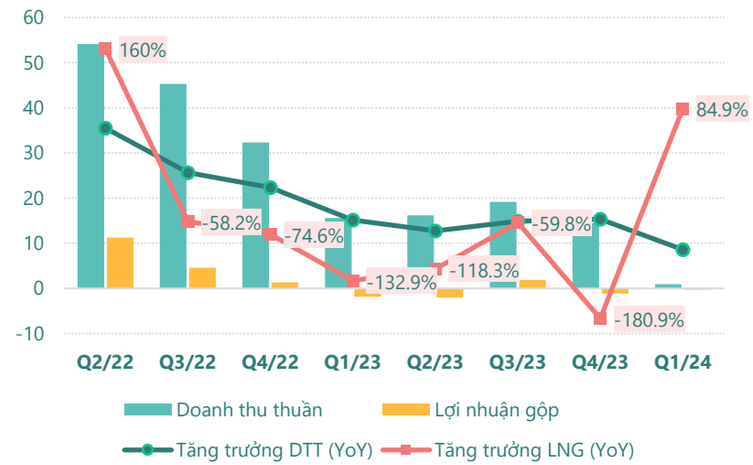


- CTCP Transimex
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP
- CTCP Đầu tư Toàn Việt
- CTCP Quản lý Quỹ đầu tư MB
- Lê Tất Hưng (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

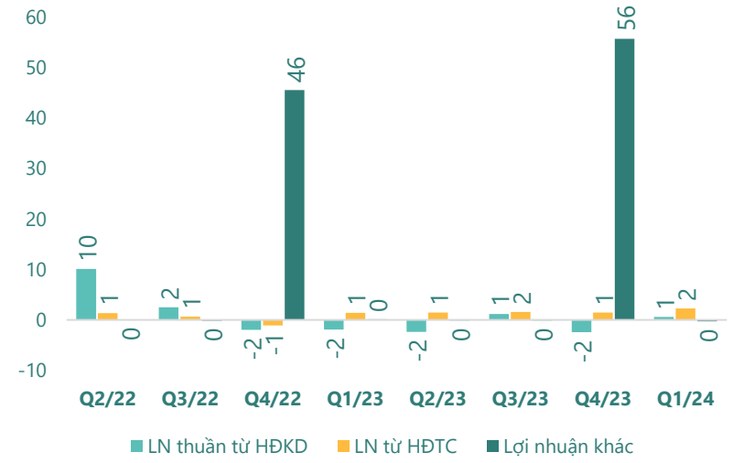
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



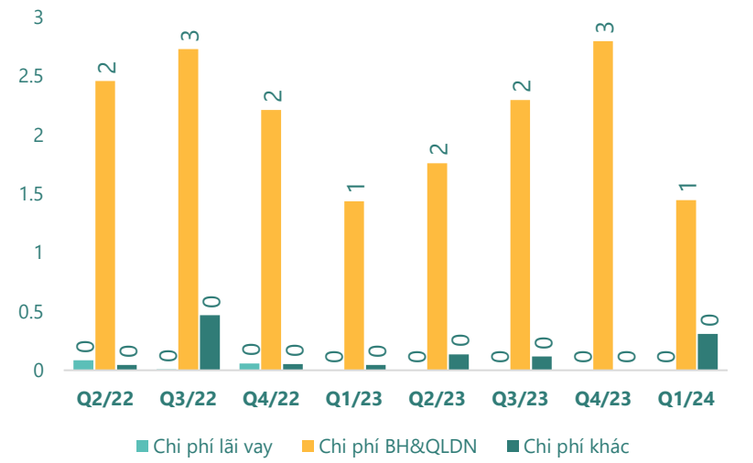
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



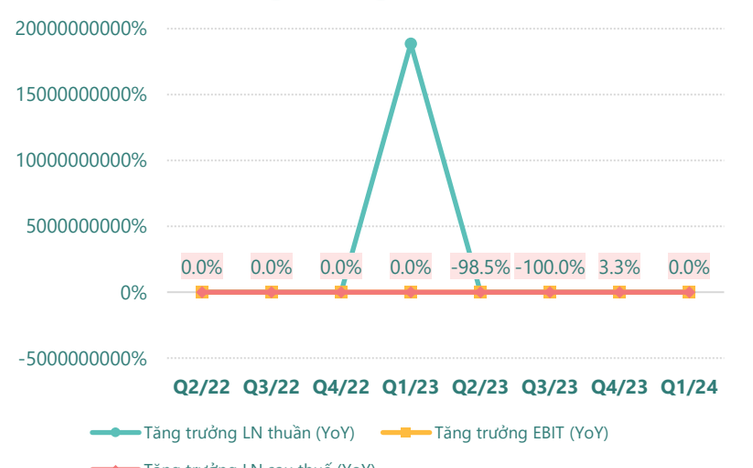
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



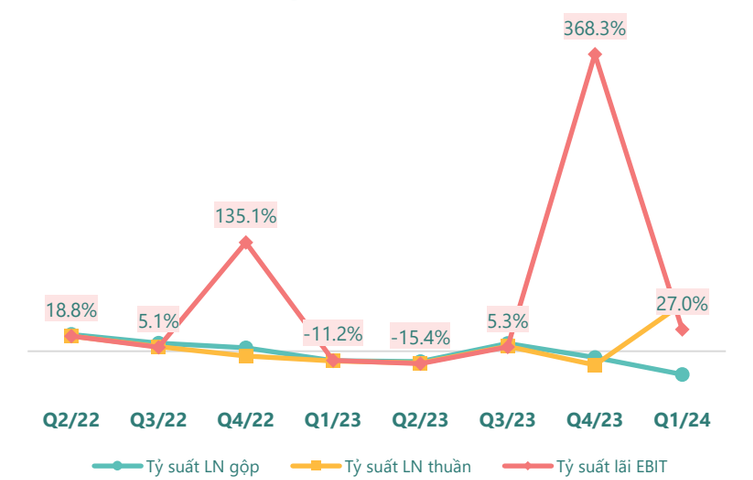
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



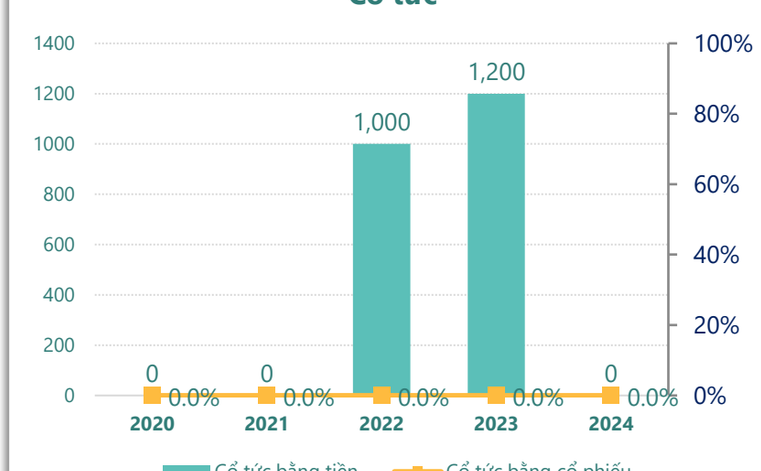
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

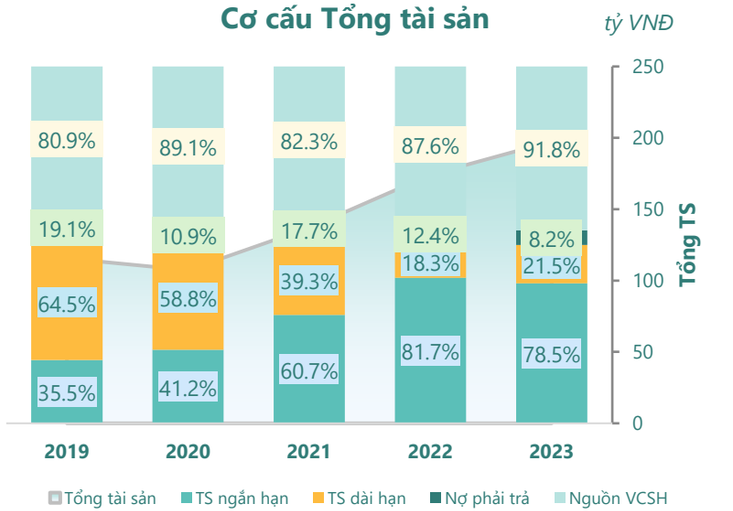
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

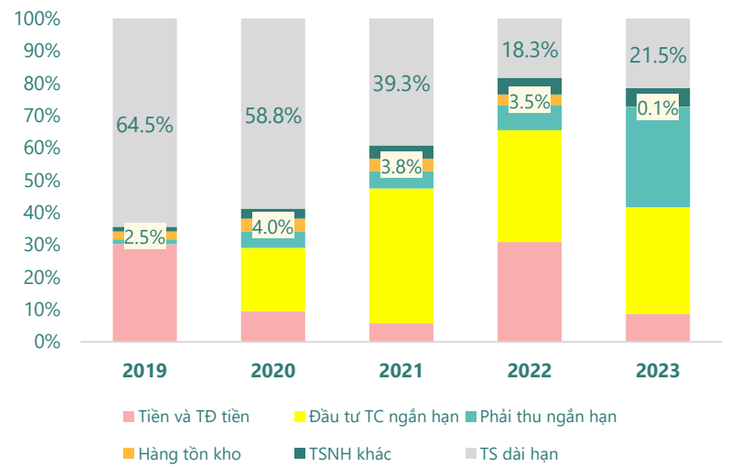
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



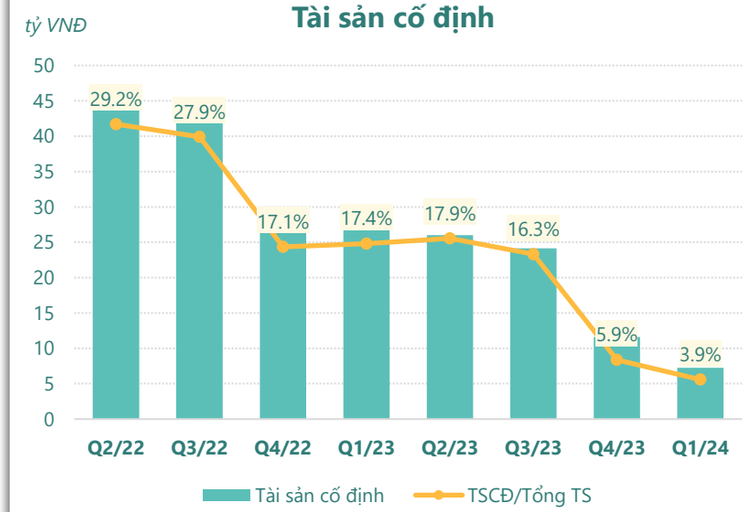
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



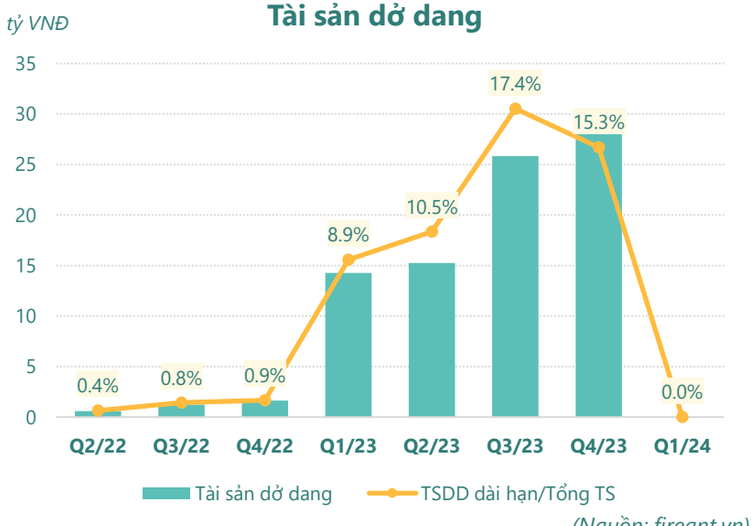
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



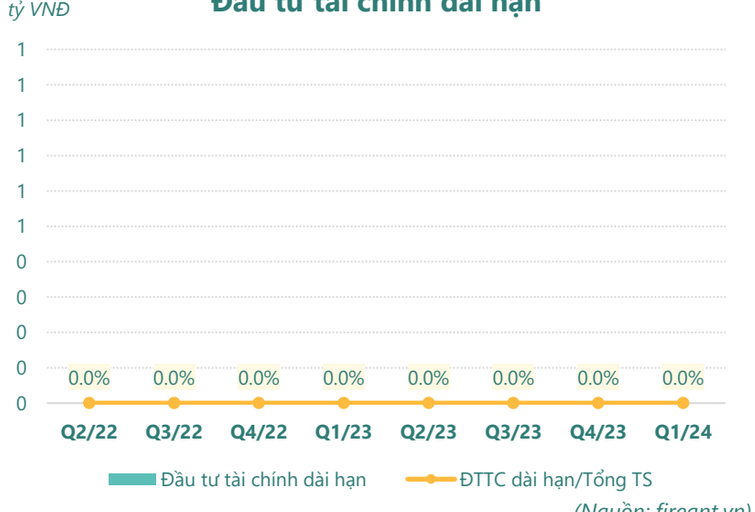
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



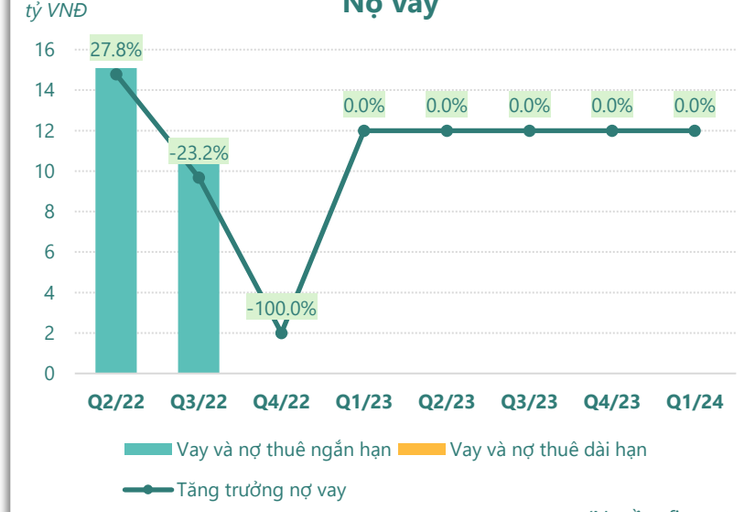
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

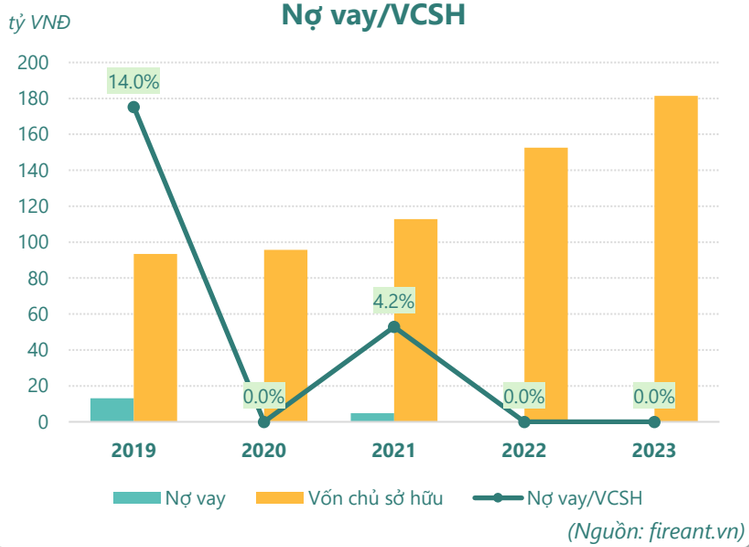
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

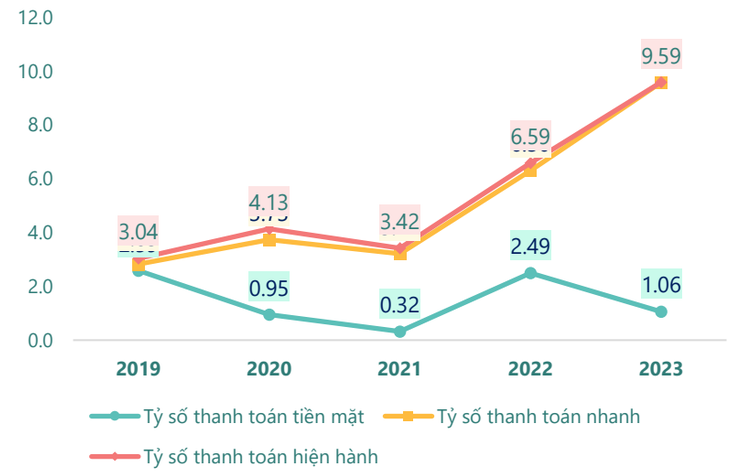
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



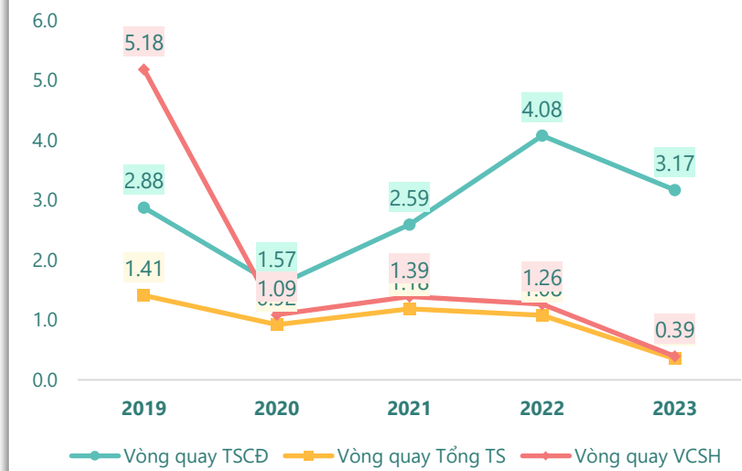
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



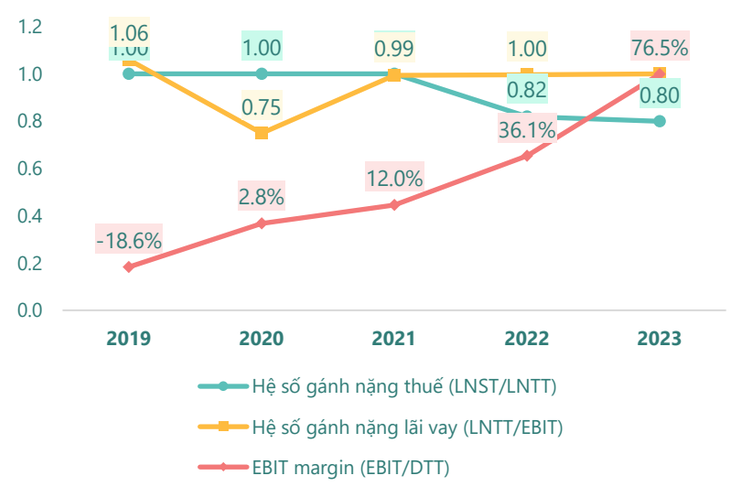
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



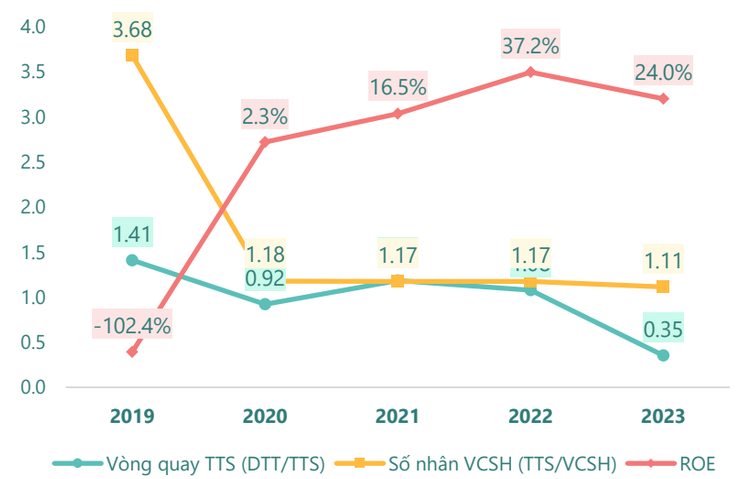
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



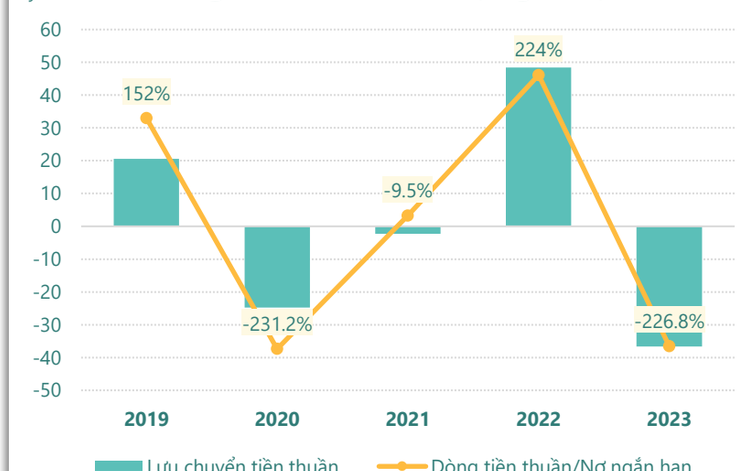
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.97**	**15.6**	**-93.8%**	**65.4**	**167**	**-60.9%**
Giá vốn hàng bán	1.25	17.4	-92.8%	68.6	145	-52.6%
Lợi nhuận gộp	-0.28	-1.85	84.9%	-3.17	22.8	-114%
Doanh thu HĐTC	2.30	1.41	62.9%	5.91	4.92	20.1%
Chi phí TC	0	0.02	-100%	0.04	3.69	-99.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.24	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.10	-100%	0.98	0.84	16.5%
Chi phí QLDN	**1.45**	**1.34**	**7.9%**	**7.31**	**8.30**	**-11.9%**
LN thuần từ HĐKD	0.57	-1.90	130%	-5.58	14.9	-137%
Lợi nhuận khác	**-0.31**	**0.14**	**-320%**	**55.7**	**45.3**	**22.8%**
LN trước thuế	0.26	-1.75	115%	50.1	60.2	-16.9%
Lợi nhuận sau thuế	**0.21**	**-1.75**	**112%**	**40.0**	**49.4**	**-18.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.21**	**-1.75**	**112%**	**40.0**	**49.4**	**-18.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.24	-10.6	-2.16	1.68	0	-10.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	28.0	-7.42	-0.49	-8.12	0	1.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-11.6	0	-10.3	0	0	0
Tiền đầu kỳ	43.1	53.8	35.7	22.8	0	17.1
Lưu chuyển tiền thuần	**13.2**	**-18.0**	**-13.0**	**-6.44**	**0**	**-8.90**
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.53	0	0.04	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.8	35.7	22.8	16.4	0	8.24

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**186**	**198**	**-6.1%**
Tài sản ngắn hạn	143	155	-7.4%
Tiền và tương đương tiền	8.24	17.1	-51.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	65.1	85.3%
Phải thu ngắn hạn	3.52	61.4	-94.3%
Hàng tồn kho	0.08	0.14	-39.1%
Tài sản ngắn hạn khác	11.0	11.3	-2.0%
Tài sản dài hạn	**42.1**	**42.5**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.26	11.6	-37.4%
Bất động sản đầu tư	34.3	0	
Tài sản dở dang	0	30.1	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.52**	**0.78**	**-32.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.00	16.2	-75.3%
Nợ ngắn hạn	**4.00**	**16.2**	**-75.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.16	4.98	-36.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**182**	**181**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**182**	**181**	**0.1%**
Vốn điều lệ	86.0	86.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)